



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: _____

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

EXIT VISA # _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN MONG MINH
Last Middle First

Current Address: to 14 Khu 6 Thuan Biao - Bao Loc - Lam Dong

Date of Birth: 04-18-1947 Place of Birth: Lang Son

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 11-13-1980
Years: 05 Months: 05 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lộc ngày 5 tháng 6 năm 1990

Kính thưa Bà.

Chúng tôi xin được phép kính
chuyển đến Bà hồ sơ xin định cư tại
Hoa Kỳ của chúng tôi (thuộc diện học
tập cải tạo trên 5 năm)

Kính mong Bà chú xét và giúp
đỡ.

Kính xin Bà nhận lời đây lòng
thành kính và biết ơn của chúng tôi.

Trân trọng.

ƯU

Nguyễn Mộng Minh.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

Date: _____

Ngày: _____

ODP IV / _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

- * Mail or send the completed questionnaire to:
- * Gửi số câu hỏi này tới:

127. Panjabhuh Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN MÔNG MINH Sex: Male
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : April 18th 1947 Thanh Chương Băc Giang
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Tổ 14 khu 6 Thị trấn Băc Băc Lộc
Tỉnh Lâm Đồng
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Tổ 14 khu 6 Thị trấn Băc Băc Lộc
Tỉnh Lâm Đồng
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : farmer and Carpenter

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. LÊ THỊ THIÊN	December 17 th 1951	Saigon	Female	Married	Wife
2. NGUYỄN THỊ MINH ANH	FEB 3 rd 1974	Phước Long	Female	Single	Daughter
3. NGUYỄN THIÊN LAN ANH	October 4 th 1975	Da Lat	"	"	"
4. NGUYỄN THIÊN PHƯƠNG ANH	October 7 th 1982	Băc Lộc	"	"	"
5. NGUYỄN THANH CÔNG	January 9 th 1989	Băc Lộc	Male	"	Son
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Hoàng thân ở nước ngoài

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

NGUYỄN MÔNG QUANG

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

Brother

c. Address
Địa-chỉ

F1

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

1974

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

NGUYỄN MÔNG DIỆP

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

Brother

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

NGUYỄN VĂN ĐÔNG (Dead)

2. Mother
Mẹ

NGUYỄN THỊ MINH (Dead)

3. Spouse
Vợ/Chồng

LÊ THỊ THIÊM

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1)

NGUYỄN THỊ MINH ANH

(2)

NGUYỄN THIÊM LAN ANH

(3)

NGUYỄN THIÊM PHƯƠNG ANH

(4)

NGUYỄN THANH CÔNG

(5)

(6) NGUYỄN VĂN ĐÔNG

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

NGUYỄN MÔNG QUANG (Brother)

(2)

NGUYỄN THANH THUY (Sister)

(3)

NGUYỄN MÔNG LONG (Brother, dead)

(4)

NGUYỄN MÔNG DIỆP (Brother)

(5)

NGUYỄN MÔNG LÂN (Brother)

(6)

(7)

(8)

(9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employer Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Tại _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Tại _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Tại _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN MÔNG MINH

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ September 20 1968 Tại April 1975

3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng First Lieutenant Số thẻ nhân-viên: 67/805759

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : Is officer of Lâm Đồng sector

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Major Trần Văn Thung

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen-khôn, hoặc chứng-thư nếu có. Đồng sự có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Was paid for training?
Ai trả-tho-chương-sĩnh-huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN MÔNG MINH
2. Time in Reeducation: From: th 1975 To: November 13th 1980
Thời gian học-tập Từ: June 25 1975 Đến: November 13th 1980
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Không now

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature _____ Date _____
Ký tên Nguyễn Mông Minh Ngày: June 5th 1990

- J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

THÀNH HAY THÀNH-PHỐ

Quận: Phước-Long

Quận: Phước-Bình

Quận: Phước-Quả

TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THỰ

Số MIÊU: 16

Tên, họ người chồng NGUYỄN-MỘNG-MINH

nghề-nghiep Quân-Nhân

sinh ngày 18 tháng 04 năm 1947

lại Danh-Thăng - Bắc-Giang

cư-sở lại KBC.4820

tạm-trú lại Tiền-Khu Phước-Long

Tên, họ cha chồng NGUYỄN-VĂN-DŨNG (Chết)
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng NGUYỄN-THỊ-NINH (Sống) 50 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ LÊ-THỊ-THIỆN

nghề-nghiep Nội-Trợ

sinh ngày 17 tháng 12 năm 1951

lại Sài-Gòn

cư-sở lại

tạm trú lại Ấp Phước-Vĩnh, Phước-Quả, Phước-Bình, Phước-Long

Tên, họ cha vợ LÊ-VĂN-Y (Chết)
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ NGUYỄN-THỊ-TÍNH (Sống) 50 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 27 tháng 09 năm 1973

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khê

ngày tháng năm

lại

Trích y bản chính

Phước-Quả ngày 28 tháng 09 năm 1973



HOÀNG - DŨNG

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI NƠI
TRẠI XÃ HỘI
SỐ 245/82T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng — Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-77 và việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số _____ ngày 30-10-1980 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Nguyễn Mông Minh

Ngày, tháng, năm sinh: 1997

Quê quán: Làng Sỏi

Trở quán: 133 Xóm 5 - Chiều Bưởi - Thuận Châu - Bắc Lào - Lâm Đồng

Số nhà, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ:

Trưởng ủy - Ủy Ban Phòng 3 - Liên thể

— Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã,

Phường: 26-27 - Chi Sỏi thuộc Huyện

Quận: Đà Lạt tỉnh, Thành phố: Lâm Đồng

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, và nơi cư trú và các mặt quân lý khác:

— Thời hạn quản chế: 06 tháng

— Thời hạn đi đường: 09 ngày (từ ngày ký giấy

về trại).

— Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 25 đ / (Hai lần Đông Chấn)

Lưu tay gốc tờ này
của Nguyễn Mông Minh
Số biên bản số: 3015
Lấy tại: F500

Họ tên, chữ ký
của người được
cấp giấy.

LM

Nguyễn Mông Minh

Ngày 13 tháng 11 năm 80

GIÁM TRỊ TRẠI

Trịnh Văn Thích

Trịnh Văn Thích



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 250218960

Họ tên **LÊ THỊ THIÊN**



Sinh ngày **17-12-1951**

Nguyên quán **Xuân viên**

Lào cai, Hoàng liên sơn

Nơi thường trú **T. P. B. Lào**

Bảo lộc Lâm đồng

Dân tộc: ... **Kinh** ... Tôn giáo: ... **Thiên chúa** ...

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo bầu dục d. 0,7CM
R. 0,3CM Q2,8CM trên
đau đau may phải

Ngày 02 tháng 10 năm 1981

KIỂM DẤU HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TỶ

Lê Phụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 1230226137

Họ tên: NGUYỄN MỘNG MINH

Sinh ngày: 18-4-1947

Nguyên quán: Đông Kinh

Lạng Sơn

Nơi thường trú: Thị trấn B'lao

Bảo lộc, Lâm đồng

Danh tính: Kinh .. Tôn giáo: Phật	
NGƯỜI TRỞ TRẠI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH
	Nốt ruồi C, 4CM dưới màu da mặt phải
NGƯỜI TRỞ PHẢI	Năm tháng ngày 6 năm 1982 TRƯỞNG TY CÔNG AN  <i>Hoàng Đức Linh</i>

Thành phố, Tỉnh Lâm Đồng

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Ngày 10/4/11

Quyền số 01

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Thiên Lan Anh		Nam, nữ ☒ nữ
Sinh ngày tháng, năm	ngày 4 tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm (4 - 10 - 1975)		
Nơi sinh	Bệnh viện Đa lat		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Mông Minh 29 tuổi	Lê Thị Thiên 25 tuổi	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam	
Nghề nghiệp	nông nghiệp	giáo viên	
Nơi ĐKNK thường trú	Sài Gòn 75 hẻm Vĩnh Tân	133 xóm 38 khu 7 lot Thiên	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Thị Thiên 27 tuổi nơi ĐKNK, hưởng tử: 133 xóm 38 khu 7 xã lot Thiên, Huyện Bảo lộc Tỉnh Lâm Đồng		

FOGA/12

Ngày 16 tháng 4 năm 1977

TM/UBHC Vd lờ thien ký tên đóng dấu

Nguyễn Văn Chung

Maupien syötiin hapan

úy

Ấn :

Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

1. xā, Quān : 1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 83

Thành phố, Tỉnh

GIẤY KHAI SINH

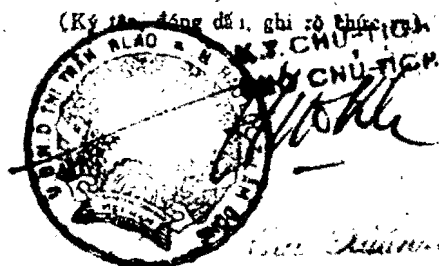
53 593

Quyển số 06[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Thiên Phương Anh		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	ngày chín tháng mười năm một ngàn chín trăm tám mươi hai (9-10-1982) giờ 18 giờ 30			
Nơi sinh	Bệnh viện B Lao Lộc			
Khối, v.v. của mẹ	CH A		M E	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Ngọc Minh 35 tuổi		Lê Thị Chiêm 31 tuổi	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt nam		Việt nam	
Nghề nghiệp	Lông nhàn		Giáo viên	
Nơi, K.N. thường trú	133 xóm 38 khu 7 Lộc Chiêm		133 xóm 38 khu 7 Lộc Chiêm	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, có giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	Lê Thị Chiêm 31 tuổi nơi ĐKKK, thường trú 133 xóm 38 khu 7 Thị trấn Bình			

Dăng ký ngày 15 tháng 10 năm 62

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Bà Lụa
Huyện, Quận Bà Lụa
Tỉnh, Thành phố Lâm Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số 55
Quyển 09



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Trương Thanh Công Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày chín tháng một năm một nghìn chín trăm tám mươi chín (09-01-1989) tuổi 14 giờ
Nơi sinh Bệnh viện Bà Lụa Lâm Đồng
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Lê Thị Xuân</u>	<u>Trương nông Minh</u>
Tuổi	<u>38</u> tuổi	<u>42</u> tuổi
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Giáo viên</u>	<u>Nông</u>
Nơi thường trú	<u>Tổ 12 khu 7B</u>	<u>Tổ 12 khu 7B</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Trương nông Minh 42 tuổi, nơi thường trú: Tổ 12 khu 7B.

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày tháng năm 19.....
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 01 năm 89
T/M U.B. KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU T. CHỦ TỊCH
U.V. INU-KÝ



Văn Đạt

CONTROL

_____ Card
_____ Doc. Request; Form
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "B"
_____ CIP/Date _____
_____ Membership; Letter

2/10

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Thuyền đến T² 14 km
phố thị trấn B. Lào
Từ ngày ____ tháng ____ năm ____
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____
 Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
 Ký tên đóng dấu

Nguyễn Minh Chiết

Chuyến đến _____

Từ ngày ____ tháng ____ năm ____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

6:2125

Họ và tên chủ hộ: Lê Thị Hiền

Số nhà: 133 ngõ (hẻm)

Đường phố: Nguyễn Thái Học đến CAND

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: _____

Thị trấn Bắc Lỗ

Tỉnh, thành phố: Lâm Đồng

Ngày 20 tháng 11 năm 1988

ARAD ngày 2 tháng 1 năm 1945

Ngày 30 tháng 10 năm 1976

Le Trưởng công an Đào Xúc

K.T. CHỦ-TỊCH (Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)
S.V. THỦ-KÝ

[illegible]

~~Đoàn Văn Tuấn~~ Nguyễn Văn Tuấn

NHÂN KHẨU THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Năm Nữ	Quan hệ với Chủ hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Lê Thị Hiền	17.12.1951	nữ	Chủ hộ	Giáo viên ở trường 14/10/60	8960	30.10.1976		
2	Lê Tâm Long	24.11.1964	nam	em			30.10.1976	Xã Phước Bình huyện Phước Long Sông Bè	30/7/1982
03	Nguyễn Thiệu Long (Lê Long)	4.10.1978	nữ				30.10.1976		
04	Nguyễn Thị Minh	19.11.1977	nam	con		50226197	22.12.1980		
05	Nguyễn Thị Minh Anh	1974	nữ	Ban			20.8.1982		
06	Nguyễn Thị Phương Anh	9.10.1982	nữ	con			15.10.1982		
07	Nguyễn Thành Công	1989	nam	con			28-01-89		

From: Nguyễn Công Minh.
To: 14 Khu 1 Thị trấn Bão
Bão Lộc Lâm Đồng

TO:

Mrs. Khúc Minh Thở

President families of Vietnamese Political
Prisoners Association.

P.O. Box. 5435.

Arlington, VA 22205. 0635

U.S.A

508 = 148522



Nguyễn Mông Minh
ham sinh
18-04-1947

Lê thị Ghiên
Sinh năm
17.12.1951

Nguyễn Thiệu
Lan Anh
nam sinh:
04-10-1975

Nguyễn Thị
Minh Anh
Sinh năm
3.2.1974

Nguyễn Thiệu
Phước Anh
sinh năm:
9.10-1982

Nguyễn Thành
Công.
sinh ngày
09-01-1989